

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/HS-ST**
Ngày 07/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Nhân và bà Lê Thị T1
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 23/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Kiều T, sinh ngày 25/8/1990 tại Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 05, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 12, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Trình độ học vấn 12/12; nghề nghiệp: Bác sỹ - Hiện đang công tác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang; chức vụ trước khi phạm tội (đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Đã đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 10/01/2023.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S (tên gọi khác Lê Văn T), sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; chồng: Vũ Trung T, sinh năm 1986; con: Có 01 con, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố 12, phường TH, thành phố Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T1, sinh ngày 13/6/1988 tại Tuyên Quang.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Xóm 17, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Trình độ học vấn 12/12; nghề nghiệp: Dược sỹ - Hiện đang công tác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang; chức vụ trước khi phạm tội (đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đăng (đã chết) và Vương Thị Tường, sinh năm 1960; chồng: Lê Duy Khánh, sinh năm 1984; con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Lê Duy Đ**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị **Phan Thị D**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh **Đỗ Mạnh T**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh **Dương Hoàng A**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh **Phùng Nam A**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Xóm 07, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 08, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Chị **Đinh Thúy H**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Chị **Châu Thị H**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Chị **Hoàng Thị Xuân H**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Chị **Hà Thị L**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Xóm 06, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Chị **Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Chị **Mông Thị**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Anh **Ma Đại D**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm 04, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Anh **Vũ Huy H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Chị **Hà Thị Mai N**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Chị **Nguyễn Thị Thuận Y**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

24. Chị **Trần Thị Lan H**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

25. Chị **Lê Thị Thúy K**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

26. Anh **Đàm Quốc V**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

27. Anh **Đặng Thanh T**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố 03, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

28. Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

29. Anh **Lương Hồng H**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

30. Anh **Vi Hoài H**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

31. Chị **Hà Thị N**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

32. Chị **Nguyễn Thị Hoa M**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

33. Anh **Phạm Thành T**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

34. Chị **Hoàng Hồng C**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

35. Anh **Đoàn Trọng T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 04, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

36. Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

37. Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 11, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

38. Chị **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Yên Mỹ 2, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

39. Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 04, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

40. Anh **Hà Minh T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 20, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

41. Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

42. Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 05, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

43. Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 15, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

44. Chị **Trần Vân K**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

45. Chị **Trần Thị T3**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

46. Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố 18, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

47. Anh **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

48. Chị **Mai Thu T4**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

49. Anh **Đoàn Đ Q**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

50. Chị **Nguyễn Thị Như T5**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 04, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

51. Chị **Hoàng Thị Thanh T6**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn 05, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2021, Lê Thị Kiều T (đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 05, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang), nơi ở tổ dân phố 12, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (hiện là bác sỹ Khoa Nội, Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang) có nhu cầu muốn thi nâng hạng chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh nên đã tìm hiểu trên mạng Internet để tìm chỗ làm chứng chỉ ngoại ngữ nhanh, không phải học, không phải thi mà vẫn được cấp chứng chỉ. Quá trình tìm kiếm thông tin, T liên hệ được một người có số điện thoại 0962028142, sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Bảo”, tài khoản Zalo “Trân” (T được người đó giới thiệu tên là Bảo nhưng không biết họ, tên đệm, tuổi, giới tính và địa chỉ cụ thể). Bảo giới thiệu có thể làm được chứng chỉ ngoại ngữ giả các bậc của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội mà không phải học, không phải thi, hồ sơ đầy đủ với số tiền 2.500.000đ/01 chứng chỉ, làm nhanh khoảng 07 đến 10 ngày là có chứng chỉ. T biết chứng chỉ mà Bảo giới thiệu là chứng chỉ giả, nhưng lúc này T chưa có nhu cầu làm chứng chỉ tiếng Anh giả nên không liên hệ với Bảo nữa.

Tháng 8/2021, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang ban hành văn bản về việc rà soát văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; tháng 12/2021, ban hành văn bản rà soát chứng chỉ tin học, ngoại ngữ của hợp đồng lao động và yêu cầu hợp đồng lao động nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học về Phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 28/12/2021.

Do cần có chứng chỉ tiếng Anh để nộp cho Phòng Tổ chức cán bộ nên cuối tháng 12/2021, Phan Thị D, trú tại tổ dân phố 04, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang (là cán bộ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang) gọi điện thoại cho Nguyễn Thị T1 (đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang), nơi ở xóm 17, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (bạn của D, là cán bộ Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang) nói với T1 “Bệnh viện em có một số người đang có nhu cầu học và thi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh để bổ sung hồ sơ, chỉ có biết lớp nào để đăng ký không”. Do có mối quan hệ thân thiết với D và muốn giúp D có chứng chỉ tiếng Anh để nộp nên T1 hỏi Lê Thị Kiều T có biết chỗ nào nộp hồ sơ để làm chứng chỉ tiếng Anh không, có mấy bạn bên Bệnh viện đa khoa tỉnh đang có nhu cầu làm nhanh. T nói với T1 biết chỗ làm chứng chỉ của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội mà không phải học, không phải thi, chi phí làm là 2.500.000đ/01 chứng chỉ.

Do được T1 nhờ hỏi chỗ làm chứng chỉ tiếng Anh và cũng có nhu cầu làm chứng chỉ tiếng Anh giả cho bản thân nên T đã nhắn tin với “Bảo” qua tài khoản

zalo “Trân” để đặt làm chứng chỉ ngoại ngữ giả và được “Bảo” đồng ý làm với giá 2.500.000đ/ 01 chứng chỉ. “Bảo” nói với T nếu làm số lượng nhiều sẽ được giảm giá còn 2.200.000đ/ 01 chứng chỉ. Sau đó, T nói với T1 về hồ sơ phải nộp gồm ảnh thẻ, ảnh chụp căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân gửi qua zalo cho T với chi phí là 2.500.000đ/ 01 chứng chỉ, nếu gom được số lượng nhiều thì sẽ được giảm giá còn 2.200.000đ/01 chứng chỉ.

Sau khi nói chuyện với T thì T1 gọi điện thông báo với Phan Thị D về việc biết chỗ đăng ký thi chứng chỉ Tiếng Anh, chi phí học và thi là 2.500.000đ/01 chứng chỉ, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng số 107004668255 của T1 mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang; nếu ai đăng ký học thì chụp ảnh thẻ, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân gửi qua tài khoản Zalo của D rồi D gửi lại cho T1. Do một số đồng nghiệp của D cũng có nhu cầu đăng ký học và thi chứng chỉ Tiếng Anh nên D đã lập nhóm Zalo lấy tên “Thi CC Tiếng Anh” để trao đổi thông tin gồm 19 người đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, trong đó có D và những người sau: 1. Hoàng Thị Hương, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa giải phẫu); 2. Đỗ Mạnh Thắng, trú tại tổ dân phố 9, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa nội thận khớp); 3. Nguyễn Thị Thúy Hương, trú tại Khu Lâm Thao, thị trấn Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; 4. Dương Hoàng Anh, trú tại tổ dân phố 2, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 5. Phùng Nam Anh, trú tại tổ dân phố 1, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang; 6. Trần Thị Hoa, trú tại tổ dân phố 8, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa ung bướu); 7. Đinh Thúy Hằng, trú tại tổ dân phố 2, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang; 8. Chầu Thị Hoàn, trú tại tổ dân phố Nậm Díp, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; 9. Hoàng Thị Xuân Huế, trú tại tổ dân phố Khuôn Phươn, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (cán bộ khoa khám bệnh); 10. Hà Thị Lan, trú tại tổ dân phố 12, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa dinh dưỡng); 11. Lê Thị Hương, trú tại tổ dân phố 11, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, 12. Nguyễn Thị Lan Hương và 13. Hà Thị Hợi, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa nhi); 14. Bùi Thị Hương (cán bộ khoa cấp cứu); 15. Trần Tuấn Anh, trú tại tổ dân phố 01, phường Y La, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa kiểm soát nhiễm khuẩn); 16. Mông Thị Việt, trú tại thôn Tân Thành, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (cán bộ khoa nội tiêu hóa); 17. Ma Đại Duy, trú tại thôn Tân Thành, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (chồng của Mông Thị Việt); 18. Đỗ Thị Liên, trú tại xóm 4, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (cán bộ khoa hồi sức tích cực chống độc). Mọi người trong nhóm gửi ảnh thẻ, ảnh căn cước công dân/ chứng minh nhân dân vào nhóm. D tổng hợp và gửi lại thông tin

của cả nhóm qua Zalo cho T1 và nhấn số tài khoản của T1 lên nhóm để mọi người tự chuyển tiền vào tài khoản của T1, D cũng chuyển khoản cho T1 để đăng ký cho bản thân mình. Tổng số tiền 19 người chuyển cho T1 là 47.500.000 đồng. Do thấy nhiều người đăng ký làm chứng chỉ nên T1 tự ý giữ lại 300.000đồng/01 chứng chỉ và nói với T sẽ chuyển khoản cho T 2.200.000đồng/chứng chỉ, nếu sau này không được giảm giá thì T1 sẽ chuyển thêm tiền cho T sau. T1 chuyển toàn bộ thông tin của 19 người sang tài khoản Zalo của T và chuyển số tiền 41.800.000 đồng/19 chứng chỉ cho T qua tài khoản ngân hàng của T số 2882898888 mở tại Ngân hàng SHB (số tiền T1 giữ lại là 5.700.000đồng).

Cùng thời gian này, T1 nói chuyện với Lê Duy Đ, trú tại tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (cán bộ Phòng vật tư - thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang, là em chồng của T1) về việc T1 có thể liên hệ được chỗ học, thi và cấp Chứng chỉ tiếng Anh của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và trường Đại học Sư phạm Hà Nội với giá 2.500.000đ/1 chứng chỉ và bảo Đ nếu ai có nhu cầu đăng ký học thì chụp ảnh thẻ, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân nhân, nộp tiền chuyển cho T1.

Có 15 người đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang đã gửi ảnh thẻ, ảnh chụp căn cước công dân/chứng minh nhân dân qua tài khoản Zalo cho Lê Duy Đ gồm: 1. Vũ Huy Hải, trú tại phường PT, thành phố Tuyên Quang (cán bộ phòng Công nghệ thông tin); 2. Hà Thị Mai Nhung, trú tại phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; 3. Nguyễn Thị Thuận Yến, trú tại xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; 4. Trần Thị Lan Hương, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 5. Lê Thị Thúy Kiều, trú tại phường Ý La, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa ngoại tổng hợp); 6. Phạm Thị Thủy, trú tại tổ dân phố 05, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang (cán bộ Phòng hành chính quản trị); 7. Đặng Thanh Tùng, trú tại tổ dân phố 03, phường PT, thành phố Tuyên Quang; 8. Nguyễn Thị Huyền T, trú tại tổ dân phố 07, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang; 9. Lương Hồng Hiệp, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 10. Vi Hoài Hiệp, trú tại tổ dân phố 04, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang; 11. Hà Thị Ngần, trú tại tổ dân phố 09, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 12. Nguyễn Thị Hoa Minh, trú tại tổ dân phố 05, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa Phẫu thuật gây mê); 13. Phạm Thành Trung, trú tại phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang; 14. Hoàng Hồng Chi, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ Phòng vật tư thiết bị y tế); 15. Đoàn Trọng Thắng, trú tại thôn 4, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang (cán bộ Phòng hành chính quản trị). Sau khi nhận được thông tin và tổng số tiền

37.500.000 đồng của 15 người đăng ký, Đ chuyển toàn bộ thông tin qua tài khoản Zalo của T1 và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng Viettinbank 107004668255 của T1. Sau đó T1 đã chuyển lại cho T 33.000.000 đồng/15 chứng chỉ, T1 giữ lại số tiền 4.500.000đồng (mỗi chứng chỉ T1 giữ lại 300.000đồng).

Sau khi nhận được thông tin của 34 người và số tiền 74.800.000 đồng của T1 chuyển, khoảng đầu tháng 1/2022 T liên hệ với “Bảo” để đặt làm 34 chứng chỉ tiếng Anh giả cho những người trên và 01 chứng chỉ tiếng Anh cho bản thân T, tổng cộng là 35 chứng chỉ tiếng Anh giả. T đã gửi ảnh chụp căn cước công dân, ảnh thẻ của 35 người cho “Bảo” qua tài khoản zalo “Trân”. Khoảng 02 ngày sau Bảo gửi qua Zalo cho T ảnh chụp của 35 phôi chứng chỉ để T kiểm tra lại thông tin. T đã chuyển ảnh chụp phôi của 35 chứng chỉ cho T1. Sau đó T1 gửi cho D ảnh chụp của 19 chứng chỉ; gửi cho Đ ảnh chụp của 15 chứng chỉ để D và Đ gửi lại cho những người đã đăng ký kiểm tra xác nhận thông tin. Khi mọi người đã xác nhận thông tin chính xác thì T thông tin lại cho Bảo và hỏi Bảo làm nhiều chứng chỉ như vậy thì chi phí giảm còn bao nhiêu tiền thì Bảo nói do chi phí nguyên liệu, tiền vận chuyển và thời gian làm nhanh nên giữ nguyên 2.500.000 đồng/01 chứng chỉ, không được giảm giá. T nói với T1 về việc giữ nguyên giá 2.500.000 đồng/01 chứng chỉ nên T1 đã đưa cho T số tiền còn thiếu là 10.200.000đồng/34 chứng chỉ.

Ngày 07/01/2022, T chuyển số tiền 10.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng Vietcombank số 19033941671019 của Bảo mang tên Nguyễn Thị Bảo Trân. Ngày 11/02/2022, Bảo yêu cầu T chuyển tiếp cho Bảo số tiền 10.000.000 đồng, T đồng ý nhưng trong quá trình ấn lệnh chuyển tiền, T chuyển nhầm thành số tiền 10.400.000đồng. T nhắn tin thông báo cho Bảo thì Bảo nói số tiền còn thiếu sẽ thanh toán qua nhân viên giao hàng. Khoảng 02 ngày sau, nhân viên giao hàng giao 35 chứng chỉ Tiếng Anh (bản gốc), mỗi bản kèm theo 03 bản sao y công chứng (do văn phòng Công chứng Ngô Hồng Tuấn, quận Nam Từ Liêm - Hà Nội công chứng) cho T tại cổng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang. T kiểm tra và được nhân viên giao hàng thông báo số tiền T phải trả là 65.300.000 đồng. T đã trả số tiền 65.300.000 đồng cho nhân viên giao hàng. Sau đó T giữ lại chứng chỉ của T và đưa 34 chứng chỉ cho T1 để T1 trả cho những người đã đăng ký. T1 đưa 19 chứng chỉ cho D và 15 chứng chỉ cho Đ để D và Đ trả cho mọi người. Đến ngày 19/01/2022 Bảo thông báo với T số tiền làm 35 chứng chỉ T thanh toán còn thiếu 1.800.000 đồng. T kiểm tra lại thấy đúng là thiếu 1.800.000đồng nên đã chuyển số tiền này đến tài khoản của Bảo. Tổng số tiền T đã thanh toán cho Bảo là 87.500.000đồng/35 chứng chỉ.

Ngoài ra, còn có 16 người khác cũng liên hệ chuyển thông tin và gửi tiền cho T1 để đăng ký làm chứng chỉ tiếng Anh nhưng khi chưa làm được chứng chỉ

thì những người này sợ chứng chỉ tiếng Anh mà T1 làm không hợp pháp nên không đặt làm chứng chỉ nữa và đòi lại tiền, T1 đã trả lại tiền cho những người này gồm: 1. Trần Thị Hiền, trú tại thôn 11, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang; 2. Nguyễn Thị Thanh T1, trú tại thôn Yên Mỹ 2, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn; 3. Đặng Thị Như, trú tại tổ dân phố 4, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 4. Hà Minh Tú, trú tại tổ dân phố 20, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 5. Lê Văn Linh, trú tại tổ dân phố 10, phường TH, thành phố Tuyên Quang; 6. Nguyễn Thị Thanh Huế, trú tại tổ dân phố 7, phường PT, thành phố Tuyên Quang; 7. Nguyễn Duy Khánh, trú tại tổ dân phố 15, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa hồi sức tích cực Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang); 8. Trần Văn Khánh, trú tại tổ dân phố 1, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang; 9. Trần Thị T, trú tại tổ dân phố 10, phường PT, thành phố Tuyên Quang; 10. Nguyễn Thị Kim Cúc, trú tại tổ dân phố 18, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang; 11. Nguyễn Thế Hợp, trú tại tổ dân phố 9, phường TH, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa nội, tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang); 12. Mai Thu T, trú tại tổ dân phố 2, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang); 13. Đoàn Đ Quỳnh, trú tại tổ dân phố 12, phường PT, thành phố Tuyên Quang (cán bộ khoa nội tim mạch Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang); 14. Nguyễn Thị Như T, trú tại thôn 4, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang; 15. Hoàng Thị Thanh Tâm, trú tại tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương (cán bộ khoa Ung bướu Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang); 16. Đàm Quốc Việt, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang (cán bộ khoa gây mê hồi sức Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang).

Sau khi nhận được chứng chỉ tiếng Anh, các cán bộ của bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang nghi ngờ chứng chỉ tiếng Anh trên là giả vì không thấy gọi đi học, đi thi nên không sử dụng. Riêng Hà Thị Hội, Đỗ Thị Liên, Vũ Huy Hải, Đặng Thanh Tùng đã vứt bỏ bản gốc, chỉ giữ lại bản sao y công chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 419/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ ký đứng tên Đỗ Tuấn Minh dưới mục "HIỆU TRƯỞNG" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A24 không phải là chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định.

- Chữ ký (nháy) đặt sau dòng chữ "HIỆU TRƯỞNG" phía cuối bên phải mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A24 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Quỳnh Yên trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung "ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A24 với hình dấu tròn đỏ có nội dung "ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ" trên mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một con dấu in ra.

- Mẫu phôi cần giám định ký hiệu từ A1 đến A24 với mẫu phôi so sánh ký hiệu M5 không cùng một loại phôi.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn Minh dưới mục "HIỆU TRƯỞNG" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A25 đến A31 không phải chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A25 đến A31 với hình dấu tròn đỏ có nội dung "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI" trên mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một con dấu in ra.

- Mẫu phôi cần giám định ký hiệu từ A25 đến A31 với mẫu phôi so sánh ký hiệu M6 không phải cùng một loại phôi.

Kết quả xác minh tại Sở Tư pháp Hà Nội xác định từ năm 2020 đến nay trên địa bàn thành phố Hà Nội không có văn phòng công chứng nào tên là Văn phòng công chứng Ngô Hồng Tuấn.

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 31 chứng chỉ gốc (chứng chỉ giả) và 04 bản sao y công chứng gồm:

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016279 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phan Thị D.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016295 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016328 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đỗ Mạnh Thắng.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016277 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016282 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thúy Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016238 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Dương Hoàng Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016309 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phùng Nam Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016284 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Trần Thị Hoa.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016245 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Đinh Thúy Hằng.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016253 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Châu Thị Hoàn.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016287 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Xuân Huế.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016715 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Lan.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016698 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Trần Thị Lan Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016731 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Mai Nhung.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016781 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thuận Yên.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016707 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Thúy Kiều.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016296 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Bùi Thị Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016904 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Hoa Minh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016971 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Huyền T.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016947 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Ngân.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016298 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Lan Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016337 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Lê Thị Kiều T.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016687 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hoàng Hồng Chi.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Phạm Thành Trung.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016983 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đặng Thanh Tùng.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Vũ Huy Hải.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017257 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Trần Tuấn Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017356 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Ma Đại Duy.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017409 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Mông Thị Việt.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017308 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Vi Hoài Hiệp.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019162 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Lương Hồng Hiệp.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019283 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Phạm Thị Thủy.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019224 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Đoàn Trọng Thắng.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017353 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Hà Thị Hội

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017310 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Đỗ Thị Liên.

Ngoài ra còn tạm giữ của Nguyễn Thị T1 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng; tạm giữ của Lê Thị Kiều T 01 điện thoại di động SamSung Galaxy S10 Plus, màu đen; tạm giữ của Phan Thị D 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng; Tạm giữ của Lê Duy Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen để giám định kỹ thuật số và điện tử.

Tại Kết luận giám định số 849/KL-KTHS ngày 04/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn, lịch sử cuộc gọi qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản mang tên “T1 Nguyễn” đăng ký bằng số điện thoại 0975656098 với tài khoản Zalo mang tên “D Phan” đăng ký bằng số điện thoại 0967248638 trong mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A3, từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/01/2022.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn, lịch sử cuộc gọi qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản mang tên “T1 Nguyễn” đăng ký bằng số điện thoại 0975656098 với tài khoản Zalo mang tên “LE DUC” đăng ký bằng số điện thoại 0334712850 trong mẫu cần giám định ký hiệu A2 và A3, từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/01/2022.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn, lịch sử cuộc gọi qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản mang tên “Lê T” đăng ký bằng số điện thoại 0982719285 với tài khoản Zalo mang tên “T1 Nguyễn” đăng ký bằng số điện thoại 0975656098 trong mẫu cần giám định ký hiệu A3 và A4, từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/01/2022.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn, lịch sử cuộc gọi qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản mang tên “Lê T” đăng ký bằng số điện thoại 0982719285 với tài khoản Zalo mang tên “Trân” trong mẫu cần giám định ký hiệu A4, từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/01/2022.

Ngày 27/10/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng cho Phan Thị D; Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 cho Lê Duy Đ.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTP ngày 05 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Lê Thị Kiều T và Nguyễn Thị T1 về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Kiều T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/3/2023. Giao bị cáo Lê Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Nguyễn Thị T1 từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/3/2023. Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T1 và 01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy S10 Plus, màu đen, thu giữ của bị cáo Lê Thị Kiều T. Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 31 chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và 04 bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án đối với các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, không có tình tiết gì mới; các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại

phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Kiều T và Nguyễn Thị T1 tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 01 năm 2022, Lê Thị Kiều T (đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 05, phường PT, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang), nơi ở tổ dân phố 12, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và Nguyễn Thị T1, (đăng ký hộ khẩu thường trú tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang), nơi ở xóm 17, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi làm giả 35 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh giả của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm tới sự hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực, có trình độ hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý vi phạm. Hành vi nêu trên của Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”, thuộc trường hợp “*Làm từ 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đúng với mức độ hành vi các bị cáo gây ra.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội không có tổ chức, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau:

Bị cáo Lê Thị Kiều T có nhu cầu muốn thi nâng hạng chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh nên đã tìm hiểu trên mạng Internet để tìm chỗ làm chứng chỉ ngoại ngữ nhanh, không phải học, không phải thi mà vẫn được cấp chứng chỉ. Bị cáo là người trực tiếp liên hệ, chuyển thông tin và chuyển tiền để mua các chứng chỉ Ngoại ngữ giả. Bị cáo Nguyễn Thị T1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, bị cáo là người liên hệ với T biết rõ không có việc đăng ký học và thi chứng chỉ ngoại ngữ nhưng bị cáo vẫn nhận các thông tin cá nhân và nhận tiền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để chuyển cho bị cáo T mua các chứng chỉ ngoại ngữ giả nên hành vi của hai bị cáo là ngang nhau.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Thị Kiều T cung cấp thông tin, tích cực hợp tác với Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện và bắt giữ đối tượng Bùi Văn Dung có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Thị T1 cung cấp thông tin, tích cực hợp tác với Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện và bắt giữ đối tượng Nguyễn Văn Anh có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (Công an thành phố Tuyên Quang có văn bản đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê Thị Kiều T năm 2016 được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, bị cáo Nguyễn Thị T1 có ông ngoại là Vương Ngọc Bằng được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này không còn lần phạm tội nào khác cần áp dụng Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú theo dõi, quản lý các bị cáo trong thời gian chấp hành thời gian thử thách của án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo với vai trò là người giúp sức, là mắt xích quan trọng để làm ra được chứng chỉ tiếng anh giả, các bị cáo đều cùng cố ý

thực hiện tội phạm do vậy đều phải chịu trách nhiệm hình sự chung với vai trò đồng phạm theo Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 4, Điều 341 BLHS, phạt tiền đối với cả hai bị cáo mỗi bị cáo 5.000.000 đồng.

[7] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đủ sức răn đe phòng ngừa tội phạm.

[8] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người đã nộp tiền để mua chứng chỉ ngoại ngữ. Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến gì đối với số tiền đã chi phí để được cấp chứng chỉ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp tiền để đăng ký học, thi để được cấp chứng chỉ ngoại ngữ, sau đó đã rút lại tiền. Quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định đã nhận lại tiền không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 31 chứng chỉ gốc (chứng chỉ giả) và 04 bản sao y công chứng gồm:

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016279 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phan Thị D.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016295 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016328 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đỗ Mạnh Thắng.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016277 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Hương.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016282 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thúy Hường.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016238 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Dương Hoàng Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016309 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phùng Nam Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016284 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Trần Thị Hoa.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016245 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Đinh Thúy Hằng.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016253 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Châu Thị Hoàn.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016287 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Xuân Huế.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016715 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Lan.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016698 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Trần Thị Lan Hương.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016731 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Mai Nhung.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016781 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thuận Yến.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016707 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Thúy Kiều.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016296 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Bùi Thị Hương.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016904 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Hoa Minh.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016971 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Huyền T.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016947 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Ngân.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016298 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Lan Hương.
- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016337 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Lê Thị Kiều T.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016687 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hoàng Hồng Chi.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Phạm Thành Trung.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016983 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đặng Thanh Tùng.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Vũ Huy Hải.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017257 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Trần Tuấn Anh.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017356 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Ma Đại Duy.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017409 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Mông Thị Việt.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017308 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Vi Hoài Hiệp.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019162 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Lương Hồng Hiệp.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019283 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Phạm Thị Thủy.

- 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019224 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Đoàn Trọng Thắng.

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017353 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Hà Thị Hội

- 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017310 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Đỗ Thị Liên.

Đối với tất cả các chứng chỉ thu giữ được là vật chứng của vụ án, là chứng chỉ giả cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

Ngoài ra còn tạm giữ của Nguyễn Thị T1 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng; tạm giữ của Lê Thị Kiều T 01 điện thoại di động SamSung Galaxy S10 Plus, màu đen; tạm giữ của Phan Thị D 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng; Tạm giữ của Lê Duy Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen để giám định kỹ thuật số và điện tử.

Ngày 27/10/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng cho Phan Thị D; Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11

cho Lê Duy Đ. Xét thấy việc trả lại điện thoại cho Phan Thị D và Lê Duy Đ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của 02 bị cáo Nguyễn Thị T1 và Lê Thị Kiều T là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với Phan Thị D và Lê Duy Đ chỉ giúp nhận thông tin và tiền của những người có nhu cầu học và thi chứng chỉ tiếng Anh rồi chuyển cho Nguyễn Thị T1, không biết chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh mà các bị cáo làm là giả, không được hưởng lợi gì nên không xem xét xử lý.

Đối với 34 người đã nhờ Lê Duy Đ và Phan Thị D chuyển thông tin cá nhân và tiền cho Nguyễn Thị T1 để học và thi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh, khi nhận được chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh giả thì những người này đã nhận thức được việc sử dụng chứng chỉ giả là vi phạm pháp luật nên không sử dụng để nộp cho cơ quan, tổ chức nào và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên không cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với 16 người nhờ D chuyển thông tin cá nhân và tiền cho Nguyễn Thị T1 để học và thi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh nhưng sau đó không đồng ý làm chứng chỉ nữa nên đã chủ động liên hệ với T1 yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã chuyển nên hành vi của 16 người này không cấu thành tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, không cấu thành tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Nguyễn Thị T1 đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của những người này nên không xem xét, xử lý.

Đối với người sử dụng số điện thoại 0962028142 và số tài khoản ngân hàng 19033941671019, quá trình xác minh đăng ký chủ sở hữu là Nguyễn Thị Bảo Trân trú tại: Ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (hiện làm việc tại Công ty điện lực thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh) nhưng Trân đã bán số điện thoại cho người khác và không sử dụng số tài khoản ngân hàng trên nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Kiều T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/3/2023).

Giao bị cáo Lê Thị Kiều T cho Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Phạt tiền bị cáo Lê Thị Kiều T 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

Xử phạt: Nguyễn Thị T1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/3/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị T1 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị T1 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, số kiểu máy: MG492J/A, số seri: F78NN5NAG5MQ, số IMEI: 35589906804264; bên trong máy có gắn 01 thẻ sim có mã số 8984048831007126467.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Lê Thị Kiều T 01 (một) điện thoại di động SamSung Galaxy S10 Plus, màu đen, số kiểu máy: SM-G975F/DS, số seri: R58M20C3Y2B, số IMEI 1: 354652102685898, số IMEI 2: 354653102684896; bên trong máy có gắn 01 thẻ sim có mã số 8984048831004130771.

- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 31 chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và 04 bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh gồm:

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016279 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phan Thị D.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016295 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Hương.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016328 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đỗ Mạnh Thắng.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016277 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Hương.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016282 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thúy Hằng.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016238 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Dương Hoàng Anh.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016309 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Phùng Nam Anh.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016284 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Trần Thị Hoa.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016245 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Đinh Thúy Hằng.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016253 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Châu Thị Hoàn.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016287 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Hoàng Thị Xuân Huế.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016715 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Lan.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016698 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Trần Thị Lan Hương.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016731 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Mai Nhung.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016781 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Thuận Yến.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016707 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Lê Thị Thúy Kiều.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016296 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Bùi Thị Hương.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016904 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Nguyễn Thị Hoa Minh.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016971 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Huyền T.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016947 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hà Thị Ngàn.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016298 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Nguyễn Thị Lan Hương.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016337 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Lê Thị Kiều T.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016687 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Hoàng Hồng Chi.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Phạm Thành Trung.

+ 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016983 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 08/12/2021 cho Đặng Thanh Tùng.

+ 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số BN00016755 do trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 10/11/2021 cho Vũ Huy Hải.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017257 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Trần Tuấn Anh.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017356 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Ma Đại Duy.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017409 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Mông Thị Việt.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E017308 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Vi Hoài Hiệp.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019162 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Lương Hồng Hiệp.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019283 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Phạm Thị Thủy.

+ 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh số E019224 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 22/11/2021 cho Đoàn Trọng Thắng.

+ 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017353 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Hà Thị Hội

+ 01 (một) bản sao y công chứng chứng chỉ Tiếng Anh số E017310 do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cấp ngày 17/12/2021 cho Đỗ Thị Liên.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang lập ngày 11/01/2023).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lê Thị Kiều T, Nguyễn Thị T1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Minh Xuân;
- UBND phường TH;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hà

